

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ GIÁ

### 1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

**Bảng 1: Thông tin tổng quát về học phần**

❖ Tên học phần:	
Tiếng Việt:	QUẢN TRỊ GIÁ
Tiếng Anh:	The management of pricing
❖ Mã số học phần:	010811
❖ Thời điểm tiến hành:	
❖ Loại học phần:	
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
❖ Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp
❖ Số tín chỉ:	
Số tiết lý thuyết/số buổi:	45/11
Số tiết thực hành/số buổi:	
Số tiết tự học:	60
❖ Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần học trước:	Nguyên lý Marketing, Quản trị marketing
Học phần song hành:	Quản trị sản phẩm, Quản trị phân phối, Quản trị chiêu thị
Điều kiện khác:	
❖ Giảng viên phụ trách:	ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc
Khoa/Bộ môn:	Marketing/Quản trị marketing
Email:	Minhngoc.nguyen@gmail.com
Điện thoại:	028 3 872 6789 (462)

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần quản trị giá giới thiệu khái quát về giá cả sản phẩm, vai trò của chiến lược định giá sản phẩm trong hoạt động marketing của công ty, phân tích quá trình quản trị giá sản phẩm trong công ty: các phương pháp định giá (theo nhu cầu-khách hàng, theo chi phí, theo đối thủ cạnh tranh) giá và các thủ thuật về giá, chiến lược định giá ứng dụng trong các ngành hàng (giá bán lẻ, giá sản phẩm dịch vụ, sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm công nghiệp, giá sản phẩm quốc tế).

### 3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên/học viên học xong học phần này có kiến thức, phẩm chất, kỹ năng, và năng lực:

**Bảng 2: Mục tiêu của học phần**

Ký hiệu mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn của vai trò của giá cả trong nền kinh tế thị trường và các nền tảng, nguyên lý, công cụ và qui trình định giá sản phẩm, các phương pháp định giá theo chí phí, theo nhu cầu thị trường và theo cạnh tranh.	Ks4	VI
G2	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về marketing để có thể đánh giá về môi trường, thị trường, người tiêu dùng và đối thủ cạnh tranh.	Ks2	V
G3	Giúp sinh viên nhận thức rõ các yếu tố ảnh hưởng đến các quyết định về giá của một doanh nghiệp từ đó thấy được tính phức tạp của việc định giá sản phẩm	Ks2	V
G4	Giúp sinh viên nắm được các chiến lược giá, các phương pháp định giá bán lẻ hàng tiêu dùng, các chiến thuật giá áp dụng trong các doanh nghiệp	Ks2	V
G5	Sinh viên có thể hoạch định và triển khai thực thi, đo lường đánh giá được hoạt động quản trị giá ở cấp độ chiến lược cho doanh nghiệp.	Ks4, Ss3, As3	VI
G6	Sinh viên có khả năng hoạch định và triển khai thực thi hoạt động quản trị giá ở cấp độ chiến thuật cho doanh nghiệp.	Ks4, Ss3, Ss5, As4	III, VI

*Ghi chú:* Trình độ năng lực theo thang Bloom: có biết qua/có nghe qua – 0.0-2.0 (I); có hiểu biết/có thể tham gia – 2.0-3.0 (II); có khả năng ứng dụng – 3.0-3.5 (III); có khả năng phân tích – 3.5-4.0 (IV); có khả năng tổng hợp – 4.0-4.5 (V); có khả năng đánh giá và sáng tạo – 4.5-5.0 (VI).

#### 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

**Bảng 3: Chuẩn đầu ra của học phần**

Chuẩn đầu ra (LO)	Mô tả chuẩn đầu ra	Chỉ định I, T, U
LO1.1	Vận dụng được những kiến thức về quản trị giá để đề xuất chiến lược giá phù hợp	I
LO1.2	Hoạch định và triển khai thực thi, đo lường đánh giá được hoạt động quản trị giá ở cấp độ chiến lược cho doanh nghiệp.	T
LO1.3	Hoạch định và triển khai thực thi hoạt động quản trị giá ở cấp độ chiến thuật cho doanh nghiệp.	T
LO2.1	Phát triển được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm thông qua việc thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm của môn học này.	T, U
LO2.2	Phân tích, đánh giá một cách nhanh chóng, đưa ra các giải pháp về quản trị giá và các hoạt động marketing của doanh nghiệp/tổ chức.	T, U
LO2.3	Phát triển được khả năng tự học hỏi để phát triển bản thân trong công việc hoặc tiếp tục học sau đại học.	T, U
LO3.1	Phát triển thái độ tích cực và học tập chủ động phát triển bản thân.	U
LO3.2	Có thái độ phù hợp và nhận thức được trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp và phát triển tinh thần tích cực dần thân thể hiện.	U

**Ghi chú:** Chỉ định mức độ giảng dạy – I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): Dạy; U (Utilize): Sử dụng.

#### 5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (COURSE OUTLINE)

##### 5.1. Nội dung giảng dạy

**Bảng 1: Nội dung và lịch trình giảng dạy**

Thời gian	NỘI DUNG	Hình thức tổ chức giảng dạy				Yêu cầu SV chuẩn bị trước	CDR học phần	Đánh giá
		Số tiết						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Tự học			
Buổi 1	<p><b>Chương 1: Khái niệm, vai trò của Quản trị giá, Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định giá</b></p> <p>1.1- Các khái niệm về giá, chính sách, chiến lược, chiến thuật giá</p> <p>1.2- Quản trị giá trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</p>	2,0	1,0	1,0	4,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO3.1 LO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	1.3- Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định giá 1.4- Tiến trình xác định mức giá ban đầu							
Buổi 2	<b>Chương 2: Phương pháp định giá từ chi phí</b> 2.1- Khái quát chi phí 2.2- Phương pháp tính toán và tập hợp chi phí 2.3- Các phương pháp định giá từ chi phí	2,0	1,0	1,0	6,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 3	<b>Chương 2: Phương pháp định giá từ chi phí</b> 2.1- Khái quát chi phí 2.2- Phương pháp tính toán và tập hợp chi phí 2.3- Các phương pháp định giá từ chi phí	2,0	1,0	1,0	4,0		LO1.1 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 4	<b>Chương 3: Phương pháp xác định giá căn cứ vào nhu cầu thị trường</b> 3.1- Một số khái niệm cơ bản 3.2- Các phương pháp xác định giá căn cứ vào nhu cầu thị trường	2,0	1,0	1,0	6,0		LO1.1 LO1.2 LO2.3 LO1.3 LO2.1 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 5	<b>Chương 3: Phương pháp xác định giá căn cứ vào nhu cầu thị trường</b> 3.1- Một số khái niệm cơ bản 3.2- Các phương pháp xác định giá căn cứ vào nhu cầu thị trường	2,0	1,0	1,0	4,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO2.2 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 6	<b>Chương 4: Phương pháp xác định giá từ cạnh tranh</b> 4.1- Khái quát về cạnh tranh 4.2- Các phương pháp xác định giá từ cạnh tranh	2,0	1,0	1,0	6,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO2.2 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 7	<b>Chương 4: Phương pháp xác định giá từ cạnh tranh</b> 4.1- Khái quát về cạnh tranh 4.2- Các phương pháp xác định giá từ	2,0	1,0	1,0	6,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO2.2 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	ạnh tranh							
Buổi 8	<p><b>Chương 5 : Đặc điểm định giá sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ</b></p> <p><b>5.1. Định giá sản phẩm công nghiệp</b></p> <p>5.1.1- Đặc điểm thị trường công nghiệp</p> <p>5.1.2- Chính sách của chính phủ đối với thị trường và giá sản phẩm công nghiệp</p> <p>5.1.3- Đặc điểm hình thành giá cả sản phẩm công nghiệp</p>	2,0	1,0	1,0	6,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO2.2 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 9	<p><b>Chương 5 : Đặc điểm định giá sản phẩm công nghiệp , nông nghiệp và dịch vụ (tt)</b></p> <p><b>5.2. Định giá sản phẩm nông nghiệp</b></p> <p>5.2.1- Đặc điểm thị trường nông nghiệp</p> <p>5.2.2- Chính sách của chính phủ đối với thị trường và giá nông sản</p> <p>5.2.3- Đặc điểm hình thành giá cả sản phẩm nông nghiệp</p>	2,0	1,0	1,0	6,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO2.2 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 10	<p><b>Chương 5 : Đặc điểm định giá dịch vụ</b></p> <p><b>5.3 Định giá dịch vụ</b></p> <p>5.3.1- Đặc điểm thị trường công nghiệp , nông nghiệp và dịch vụ</p> <p>5.3.2- Chính sách của chính phủ đối với thị trường và giá nông sản</p> <p>5.3.3- Đặc điểm hình thành giá cả sản phẩm công nghiệp , nông nghiệp và dịch vụ</p>	2,0	1,0	1,0	6,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO2.2 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
Buổi 11	<p><b>Chương 6 : Đặc điểm định giá bán lẻ hàng tiêu dùng</b></p> <p>6.1- Đặc điểm hàng tiêu dùng , thị trường hàng tiêu dùng và giá bán lẻ hàng tiêu dùng</p> <p>6.2- Đặc điểm xác định giá bán lẻ hàng tiêu dùng</p>	2,0	1,0	2,0	6,0		LO1.1 LO2.1 LO2.3 LO2.2 LO3.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

<b>Cộng</b>	<b>22 tiết</b>	<b>11 tiết</b>	<b>12 tiết</b>	<b>60 tiết</b>			
-------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--	--	--

- **Giờ tự học: 60 tiết**

## **5.2. Nội dung phần tự học**

- Bài tập nhóm: Mỗi nhóm sẽ phải áp dụng những kiến thức đã học để phân tích những hoạt động thực tế liên quan đến hoạt động quản trị giá của một tổ chức kinh doanh thực tế tại VN.
- Bài tập cá nhân: sinh viên sẽ được cung cấp các case study. Dựa vào kiến thức đã học, sinh viên có nhiệm vụ đọc, phân tích và đưa ra các đề xuất, giải pháp cho từng tình huống cụ thể.

## **6. GIÁO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **- Giáo trình chính:**

TS Nguyễn Xuân Quế, Quản trị giá doanh nghiệp, Nhà xuất bản Thống kê, Năm 2000, Thư viện Trường Đại học Tài chính - Marketing

### **- Sách tham khảo:**

Vũ Minh Đức, Quản trị giá trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2008, nhà sách Kinh tế

PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền, Tính chi phí kinh doanh, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2009, nhà sách Kinh tế

Nguyễn Văn Dung, Chiến lược và chiến thuật thiết kế và định giá, Nhà xuất bản Tài chính, năm 2009, nhà sách Kinh tế

Đoàn Văn Trường, Bán phá giá, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2006, nhà sách Kinh tế

Paul W.Farris, Neil T. Bendle, Phillip E. Pfeifer, David J. Reibstein, Marketing metrics, năm 2012, Thư viện Trường Đại học Tài chính – Marketing.

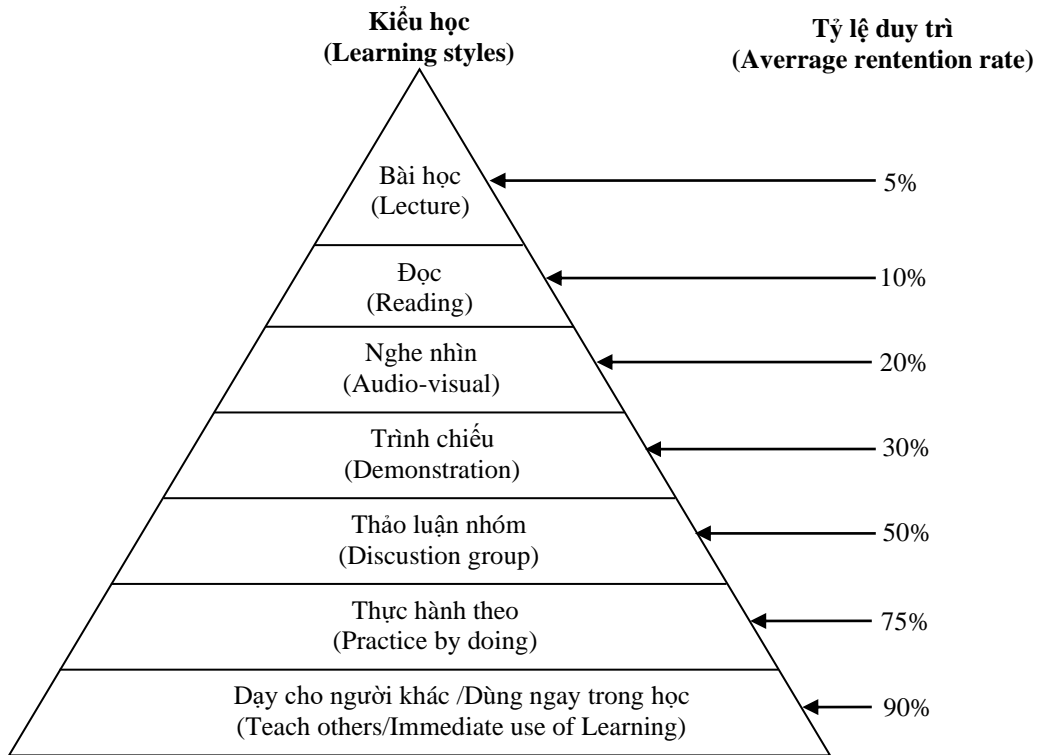
Tim J. Smith, Pricing Strategy- Setting Price Levels, Managing Price Discounts, & Establishing Price Structures, năm 2012, Thư viện Trường Đại học Tài chính – Marketing.

## **7. TRÁCH NHIỆM DẠY VÀ HỌC (TEACHING AND LEARNING RESPONSIBILITIES)**

### **7.1. Chiến lược dạy và học (Teaching and learning strategies)**

Trọng tâm của việc học trong học phần này sẽ được điều tra và phân tích, sử dụng các nghiên cứu điển hình, thảo luận nhóm nhỏ và báo cáo thuyết trình. Các bài giảng sẽ được tổ chức mỗi

tuần để cung cấp một khung kết cấu, tuy nhiên, sẽ nhấn mạnh vào việc học nhóm và sự tham gia của sinh viên. Kim tự tháp được xác định trong hình 1 dưới đây đại diện cho triết lý giảng dạy và học tập của học phần marketing chiến lược này.



**Hình 1: Mô hình duy trì học tập trong giáo dục**  
(A Learning Retention Model for Education)

## 7.2. Phương pháp giảng dạy (teaching techniques)

- Môn học này được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp: thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên với nhau. Học viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện, sáng tạo để giải quyết các bài tập được giao.
- Sinh viên phải chủ động tham gia vào các hoạt động phân tích và đánh giá các vấn đề marketing chiến lược cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

## 8. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP (COURSE ASSESSMENT)

**Bảng 5: Chi tiết đánh giá kết quả học tập**

Thành	Bài đánh	Nội dung đánh	CĐR học	Số lần đánh	Tiêu chí	Tỷ lệ
-------	----------	---------------	---------	-------------	----------	-------

phần đánh giá	giá/thời gian	giá [3]	phần	giá/thời điểm	đánh giá	(%)
A1. Đánh giá quá trình	A 1.1	Kỹ năng mềm, năng lực tự chủ	LO3.1 LO3.2	09 lần/ trong suốt các buổi học	Sự tham dự lớp/chuyên cần	5
	A 1.2	Thái độ học tập/chuyên cần	LO3.2 LO3.3	09 lần/ trong suốt các buổi học	Thái độ tích cực, có trách nhiệm	10
	A 1.3	Thảo luận nhóm	LO1.1 LO1.2 LO1.3	09 lần/ trong suốt các buổi học	Hiệu bài, giải thích được	5
	A 1.4	Bài tập nhóm thuyết trình	LO1.4 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1	1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	20
A2. Đánh giá kết thúc học phần	A 2.1	Tự luận	LO1.4 LO2.1 LO2.2 LO3.2	1 lần/thi kết thúc học phần	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	60

***Ghi chú:*** các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm.

**BAN GIÁM HIỆU**

**TRƯỜNG KHOA**

**TRƯỜNG BỘ MÔN**



**BẢNG 6: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM – THUYẾT TRÌNH**

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)				
	(0 - < 4)	(4 - < 5)	(5 - < 7)	(7 - < 9)	(9 – 10)
<b>Nội dung đề tài (50%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không đưa ra mục tiêu đề tài</li> <li>Không logic</li> <li>Không ứng dụng lý thuyết môn học để phân tích</li> <li>Không có liên kết giữa các phần của đề tài</li> <li>Không sử dụng minh chứng là các số liệu, bảng biểu,... thực tế để phân tích</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mục tiêu đề tài không rõ ràng</li> <li>Logic mức thấp</li> <li>Ứng dụng rất ít lý thuyết để phân tích</li> <li>Rất ít liên kết giữa các phần của đề tài</li> <li>Sử dụng minh chứng là các số liệu, bảng biểu,... thực tế quá cũ, lạc hậu để phân tích</li> <li>Không trích dẫn nguồn rõ ràng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mục tiêu đề tài còn chung chung</li> <li>Logic mức trung bình</li> <li>Ứng dụng mức trung bình lý thuyết để phân tích</li> <li>Có sự kết hợp giữa các phần của đề tài nhưng phân tích còn nhiều phần chưa thuyết phục</li> <li>Sử dụng chưa đủ minh chứng là các số liệu, bảng biểu,... thực tế để phân tích</li> <li>Trích dẫn nguồn thông tin chưa rõ ràng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mục tiêu đề tài khá rõ ràng, cụ thể</li> <li>Khá Logic</li> <li>Ứng dụng khá tốt lý thuyết môn học để phân tích</li> <li>Kết hợp khá tốt giữa các phần của đề tài</li> <li>Phân tích khá thuyết phục</li> <li>Sử dụng khá tốt minh chứng là các số liệu, bảng biểu,... thực tế để phân tích</li> <li>Trích dẫn nguồn thông tin rõ ràng nhưng tính tin cậy chưa cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mục tiêu đề tài rất rõ ràng, cụ thể</li> <li>Rất Logic</li> <li>Ứng dụng rất tốt lý thuyết môn học để phân tích</li> <li>Kết hợp rất tốt giữa các phần của đề tài</li> <li>Phân tích rất thuyết phục</li> <li>Sử dụng rất tốt minh chứng là các số liệu, bảng biểu thực tế,... để phân tích</li> <li>Nguồn thông tin rõ ràng, đáng tin cậy</li> </ul>
<b>Kết cấu đề tài (25%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lý thuyết quá dài dòng/ quá vắn tắt</li> <li>Phân tích thực trạng rất ít</li> <li>Không nhận xét và không đưa ra hướng giải pháp đề nghị</li> <li>Không giới thiệu đề tài và không đưa ra kết luận đề tài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lý thuyết khá dài dòng, hoặc chưa đủ</li> <li>Phân tích thực trạng ít</li> <li>Nhận xét qua loa, đưa ra hướng giải pháp đề nghị quá ít</li> <li>Giới thiệu đề tài qua loa, kết luận đề tài không rõ ràng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lý thuyết hơi dài dòng, hoặc hơi vắn tắt</li> <li>Phân tích thực trạng chưa đầy đủ</li> <li>Nêu nhận xét được, đưa ra hướng giải pháp đề nghị còn chung chung</li> <li>Giới thiệu đề tài tương đối rõ ràng, nhưng kết luận đề tài còn sơ sài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lý thuyết khá tốt,</li> <li>Phân tích thực trạng khá đầy đủ</li> <li>Nhận xét đưa ra hướng giải pháp đề nghị khá tốt</li> <li>Giới thiệu đề tài khá tốt, kết luận đề tài thể hiện đúng mục tiêu đề tài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lý thuyết rất tốt,</li> <li>Phân tích thực trạng rất đầy đủ, hợp lý</li> <li>Nhận xét đưa ra hướng giải pháp đề nghị rất tốt</li> <li>Giới thiệu đề tài rất tốt, kết luận đề tài thể hiện rất tốt mục tiêu đề tài</li> </ul>
<b>Ý tưởng sáng tạo (10%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn toàn không có sáng tạo trong đề tài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có sáng tạo nhưng không khả thi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có ý tưởng sáng tạo nhưng tính khả thi không cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có ý tưởng sáng tạo và tính khả thi khá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có ý tưởng sáng tạo và có tính khả thi rất cao</li> </ul>

<b>Kỹ năng làm việc nhóm (10%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn toàn không tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không được tốt lắm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung bình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khá tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rất tốt</li> </ul>
<b>Hình thức trình bày đề tài (5%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rất cầu thả</li> <li>Sai qui định</li> <li>Sai rất nhiều lỗi chính tả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không đẹp, khó nhìn</li> <li>Chưa đúng qui định</li> <li>Sai nhiều lỗi chính tả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đẹp, nhưng trình bày chưa được rõ ràng</li> <li>Đúng qui định</li> <li>Còn sai lỗi chính tả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khá đẹp, trình bày khá rõ ràng</li> <li>Khá đúng qui định</li> <li>Không sai lỗi chính tả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rất đẹp, trình bày rất rõ ràng</li> <li>Hoàn toàn đúng qui định,</li> <li>Không sai lỗi chính tả</li> </ul>

**BẢNG 7: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT ĐỐI VỚI THẢO LUẬN NHÓM TẠI LỚP**

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)				
	0 - <4đ	4 - <5đ	5 - <7đ	7 - <9đ	Từ 9 - 10đ
<b>Hình thành nhóm (10%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn toàn không tuân thủ theo yêu cầu của giảng viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ theo yêu cầu của giảng viên chưa được tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tương đối tuân thủ theo yêu cầu của giảng viên ở mức độ trung bình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ theo yêu cầu của giảng viên ở mức độ khá tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ theo yêu cầu của giảng viên ở mức độ rất tốt</li> </ul>
<b>Tinh thần thảo luận (30%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không tích cực, không đóng góp ý kiến cho nhóm khác</li> <li>Không nghiêm túc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Còn thụ động, đóng góp ý kiến cho nhóm khác không nhiều</li> <li>Chưa nghiêm túc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có đóng góp ý kiến cho nhóm khác (mức độ trung bình khá)</li> <li>Nghiêm túc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có tích cực, có đóng góp ý kiến cho nhóm khác (mức độ khá)</li> <li>Khá nghiêm túc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rất tích cực, có đóng góp ý kiến cho nhóm khác (mức độ rất tốt)</li> <li>Rất nghiêm túc</li> </ul>
<b>Nội dung thảo luận (40%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không liên quan đến vấn đề gợi ý</li> <li>Trình bày rất khó hiểu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chưa tập trung nhiều vào vấn đề gợi ý</li> <li>Trình bày hơi khó hiểu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Liên quan đến vấn đề gợi ý (mức trung bình)</li> <li>Trình bày tương đối được</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Liên quan đến vấn đề gợi ý (mức khá)</li> <li>Trình bày khá dễ hiểu, khá rõ ràng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Liên quan đến vấn đề gợi ý (hoàn toàn rất tốt)</li> <li>Trình bày rất rõ ràng, dễ hiểu</li> </ul>
<b>Ý tưởng sáng tạo (10%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn toàn không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ít sáng tạo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tương đối sáng tạo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khá sáng tạo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rất sáng tạo</li> </ul>
<b>Thời gian (10%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trễ hơn &gt;10'</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trễ hơn 8-&lt;10'</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trễ hơn 5-&lt;8'</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trễ hơn 2-&lt;5'</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không vi phạm thời gian hoặc trễ hơn không quá 2'</li> </ul>

**BẢNG 8: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI THI HẾT MÔN**

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)				
	0 - <4đ	4 - <5đ	5 - <7đ	7 - <9đ	Từ 9 - 10đ
<b>Đáp ứng yêu cầu nội dung về kiến thức, kỹ năng và thái độ (90%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chưa hoàn thành hết các câu hỏi đặt ra.</li> <li>Trả lời còn nhiều sai sót.</li> <li>Mức độ đáp ứng yêu cầu đặt ra chưa tốt.</li> <li>Không có tính sáng tạo, không mở rộng được vấn đề.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn thành được dưới 50% yêu cầu đặt ra.</li> <li>Trả lời đúng kết quả, sai sót không nhiều.</li> <li>Tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề bình thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn thành trên 50% các câu hỏi đặt ra.</li> <li>Trả lời khá tốt yêu cầu đặt ra.</li> <li>Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn thành gần hết/ hết các câu hỏi đặt ra.</li> <li>Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề khá cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn thành rất tốt yêu cầu đặt ra.</li> <li>Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề cao.</li> </ul>
<b>Hình thức trình bày (10%)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chưa logic, hợp lý.</li> <li>Khó đọc.</li> <li>Không đẹp mắt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mức độ logic, hợp lý bình thường.</li> <li>Không dễ đọc.</li> <li>Không đẹp mắt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Logic, hợp lý.</li> <li>Khá dễ đọc.</li> <li>Bình thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Logic, hợp lý.</li> <li>Dễ đọc.</li> <li>Khá đẹp mắt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Logic, hợp lý.</li> <li>Dễ đọc.</li> <li>Đẹp mắt.</li> </ul>

Duyệt:

**BAN GIÁM HIỆU**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**